

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 1B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Biên chế công chức được giao tương ứng với các VTVL** thời điểm 31/7/2025									Số công chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL								Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức thời điểm 01/9/2025								HDLD hỗ trợ, phục vụ			
			Tổng số	Chia ra								Tổng số	Chia ra								Số được chấp thuận chủ trương				Số có mặt thực tế				Số được giao	Số có mặt thực tế	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ				
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
1	Xã Đăk Pék	3	39	16	14	28	23	1	2	0	0	35	16	13	28	20	1	2	0	0	1	1	1	1	0	0	1	1	2	2	
a	Lãnh đạo HĐND và UBND	0	6	6	6							6	6	6																	
b	Văn phòng HĐND và UBND	3	9	2	2	7	7	0	0	0	0	9	2	2	7	7	0	0	0	0	1	1	1	1				1	1	2	2
c	Phòng Kinh tế	0	8	2	2	11	5	1	1			9	2	2	11	6	1	1													
d	Phòng Văn hóa - Xã hội	0	8	2	1	8	7					8	2	1	8	7															
e	Trung tâm phục vụ hành chính công	0	6	2	1	1	4		1			2	2	1	1	0		1													
e	Ban Chỉ huy quân sự xã	0	2	2	2	1						1	2	1	1	0															

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 2B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2031
(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức giai đoạn 2026-2031									Lý do đề xuất (Báo cáo các yếu tố đặc thù để đề xuất biên chế)
		Tổng số biên chế	Chia ra								
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xã Đắk Pék	47	16	16	29	29	2	2	0	0	Xã Đắk Pék là xã trung tâm của huyện Đắk Glei (cũ), có dân số đông, địa bàn rộng. Do đó, cần số lượng công chức như đề xuất để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
a	Lãnh đạo HĐND và UBND	6	6	6							
b	Văn phòng HĐND và UBND	12	2	3	6	8	1	1	0	0	Thêm 03 biên chế: 01 biên chế công tác Đối ngoại; 01 phụ trách công tác Tư pháp; 01 phụ trách công nghệ thông tin.
c	Phòng Kinh tế	13	2	2	12	10	1	1			
d	Phòng Văn hóa - Xã hội	10	2	2	8	8					
e	Trung tâm phục vụ hành chính công	3	2	1	2	2					
e	Ban Chỉ huy quân sự xã	3	2	2	1	1					

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 3B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế viên chức được giao tương ứng với các VTVL thời điểm 31/7/2025									Số viên chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL										Về lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung thời điểm 01/9/2025								HDLĐ hỗ trợ, phục vụ thời điểm 01/9/2025				
				Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Tổng số viên chức	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Số chỉ tiêu HDLĐ được cấp có thẩm quyền giao				Số lao động hợp đồng có mặt thời điểm báo cáo				Số được giao	Số có mặt thực tế		
					VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*				Hưởng lương từ NSNN		Hưởng lương từ NSNN		Hưởng lương từ NTSN						
					Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chuyên môn dùng chung		Hưởng lương từ NTSN					
																										Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLĐ theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	TỔNG SỐ																																		
A	ĐVSNC L DO NGÃN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THUỞNG XUYỄN																																		
	XÃ ĐẮK PÉK																																		
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo																																		
1.1	Trường Mầm non Đắk Glei	44	0%	44	2	3	4	38	5	3	3	0	0	43	2	3	4	37	5	3	3	0	0	1	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
1.2	Trường Mầm non xã Đắk Pék	44	0%	44	2	3	4	38	5	3	3	0	0	44	2	3	4	38	5	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Trường Tiểu học Kim Đồng	45	0%	45	2	3	6	38	6	4	3	0	0	45	2	3	6	38	6	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	33	0%	33	2	3	6	27	6	3	3	0	0	33	2	3	6	27	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	34	0%	34	2	3	6	28	6	3	3	0	0	34	2	3	6	28	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	43	0%	43	2	3	10	37	6	3	3	0	0	43	2	3	10	37	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.7	Trường THCS Chu Văn An	36	0%	36	2	3	7	29	6	4	3	0	0	35	2	3	7	28	6	4	3	0	0	1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	
1.8	Trường THCS xã Đắk Pék	43	0%	43	2	3	7	37	6	4	3	0	0	43	2	3	7	36	6	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch																																		
2.1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	16	0%	16	2	1	13	13	1	1				15	2	1	13	13	1	1															
3	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																																		
3.1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	7	0%	5	2	2	5	2	1					5	2	2	5	3	1																
B	ĐVSNC L TỰ BẢO ĐẢM CHI THUỞNG XUYỄN																																		
	XÃ ĐẮK PÉK																																		
1	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																																		
1.1	Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích	0	100%	5	3	2	14	2	1	1			5	5	2	2	14	2	1	1															

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TÒ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 4B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2026-2031
(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ												
A	ĐVSNC L DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN												
	XÃ ĐẮK PÉK												
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo												
1.1	Trường mầm non Đắk Glei	0%	53	2	3	4	40	5	4	3	6	0	1. Bổ sung vị trí chuyên ngành là 03 VTVL: Dự kiến tăng lớp trẻ dưới 3 tuổi đảm bảo tỷ lệ huy động. 2. Chuyên môn dùng chung bổ sung 1 vị trí nhân viên thư viện, do chưa có NV thư viện. 3. Vị trí hỗ trợ, phục vụ: Cần bổ sung: 01 nhân viên bảo vệ, 01 Nhân viên phục vụ, 04 nhân viên nấu ăn chưa được giao biên chế, do chưa có nhân viên bảo vệ, nấu ăn, phục vụ.
1.2	Trường mầm non xã Đắk Pék	0%	63	2	3	4	50	5	4	3	6	0	1. VTVL, chuyên ngành: Giai đoạn 2026- 2031 nhà trường tăng 1 lớp mẫu giáo và 2 lớp nhà trẻ , Theo đề án vị trí việc làm mỗi lớp mẫu giáo 2,2gv/1 lớp, nhà trẻ 2,5giáo/1 lớp. Đến năm 2031 nhà trường dự kiến có 19 lớp mẫu giáo, và 4 nhóm trẻ tương đương 50 chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: đề xuất 11 VTVL CDNN chuyên ngành GVMN hạng II hoặc III; 01 vị trí Hỗ trợ người khuyết tật 2. Chuyên môn dùng chung: Chưa có nhân viên thư viện: đề xuất 01 nhân viên thư viện. 3. VTVL phục vụ: chưa có nhân viên phục vụ, nấu ăn, bảo vệ: Đề xuất 01 nhân viên phục vụ; 04 nhân viên nấu ăn; 01 nhân viên bảo vệ

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.3	Tiểu học Kim Đồng	0%	51	2	3	6	42	6	4	3	2	0	1. VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành còn thiếu, đề xuất 04 Vị trí cụ thể như sau: Đảm bảo đủ định mức 1,5 giáo viên/lớp (Bổ sung thêm 01 vị trí giáo viên Tiểu học hạng III hoặc hạng II để đảm bảo đạt 1,5 giáo viên/lớp); Giáo vụ (01 vị trí: 01 người). Tư vấn học sinh (01 vị trí: 01 người). Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật học hòa nhập (01 vị trí: 01 người). do chưa có VTVL nêu trên. 2. Vị trí hỗ trợ phục vụ còn thiếu: đề xuất 02 vị trí cụ thể: 01 Nhân viên phục vụ; 01 nhân viên bảo vệ
1.4	Tiểu học Lê Hồng Phong	0%	40	2	3	6	31	6	4	3	2	0	1.VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành đề xuất 4 vị trí chưa có cụ thể đề xuất: 01 vị trí giáo viên TH hạng III hoặc hạng II (do tăng lớp); 01 vị trí Hỗ trợ người khuyết tật; 01 vị trí Giáo vụ; 01 vị trí tư vấn học sinh 2. VTLV chuyên môn dùng chung: Thiếu nhân viên y tế, đề xuất bổ sung 01 nhân viên y tế 3. Vị trí hỗ trợ phục vụ còn thiếu: đề xuất 02 vị trí cụ thể: 01 Nhân viên phục vụ; 01 nhân viên bảo vệ
1.5	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	0%	36	2	3	6	27	6	4	3	2	0	1. Đối với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: Trường dư 04 giáo viên nhưng lại thiếu 03 biên chế ở các vị trí: Giáo vụ, Tư vấn học sinh và Hỗ trợ giáo dục khuyết tật. 2. Đối với các vị trí chuyên môn dùng chung: Trường thiếu 01 vị trí nhân viên Y tế học đường 3. Đối với VTVL Hỗ trợ, phục vụ: Trường thiếu 02 vị trí Nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ
1.6	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	0%	57	2	3	10	42	6	6	3	6	0	1. VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: thiếu 01 biên chế GV cấp THCS tính theo định mức GV/lớp (Năm học 2025-2026, Trường có 8 lớp cấp THCS nhưng có 14 GV, tăng 01 lớp so với năm học 2024-2025); thiếu vị trí tư vấn tâm lý HS: 01 biên chế; thiếu vị trí Thiết bị thí nghiệm: 01 biên chế; thiếu vị trí GV hỗ trợ học sinh khuyết tật: 01 biên chế; thiếu vị trí Giáo vụ: 01 biên chế 2. VTVL chuyên môn dùng chung: thiếu 1 vị trí quản trị công sở: 01 biên chế; thiếu vị trí Nhân viên thư viện: 01 biên chế; thiếu vị trí nhân viên thủ quỹ: 01 biên chế 3. VTVL hỗ trợ, phục vụ: thiếu vị trí nhân viên bảo vệ: 01 biên chế; thiếu vị trí nhân viên nấu ăn với 4 biên chế; thiếu vị trí nhân viên phục vụ: 01 biên chế

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.7	Trường THCS Chu Văn An	0%	41	2	3	7	33	6	4	3	1	0	1. VTVL Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành .Dự kiến giai đoạn 2026-2031 đơn vị tăng 01 lớp nền cần thêm 02 giáo viên; bổ sung 01 Giáo vụ; bổ sung 01 Tư vấn học sinh; bổ sung 01 Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; 2. VTVL Hỗ trợ, phục vụ đang thiếu, cần bổ sung 01 nhân viên bảo vệ;
1.8	Trường THCS xã Đăk Pék	0%	52	3	3	7	43	6	5	3	1	0	1. VTVL CDNN chuyên ngành: Hiện thiếu 04 GV do tăng lớp học năm học 2024-2025, năm học 2026-2027 dự kiến tăng 01 lớp; chưa có, giáo vụ, tư vấn tâm lý, hỗ trợ khuyết tật. Đơn vị cần thêm 04 giáo viên; bổ sung 01 Giáo vụ; bổ sung 01 Tư vấn học sinh; bổ sung 01 Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; 2. VTVLCDNN chuyên môn dùng chung: Cần bổ sung 01chuyên viên quản trị công sở 3. Nhóm Hỗ trợ phục vụ thiếu nhân viên bảo vệ. Đề xuất 01 nhân viên bảo vệ
2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch												
2.1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	0%	15	2	2	13	13	1	1				Giữ nguyên theo cơ cấu VTVL và số lượng viên chức hiện có mặt.
3	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác												
3.1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0%	5	2	2	3	3						Giữ nguyên theo cơ cấu VTVL và số lượng viên chức hiện có mặt.
B	ĐVSNCL TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN												
	XÃ ĐẮK PÉK												
1	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác												
1.1	Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích	100%	18	3	3	14	14	1	1			18	UBND tỉnh Kon Tum (cũ) tổ chức lại Ban QLDA&ĐTXH huyện Đăk Glei (cũ) và Trung tâm MT& DVĐT huyện Đăk Glei (cũ) thành Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Đăk Pék. Do đó để đảm hoàn thành khối lượng công việc được giao, đơn vị đề xuất số lượng biên chế trong giai đoạn 2026-2031 như trên.

Ghi chú:

*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)